

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Hà Nội - Tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT

Cụm công nghiệp Trùng An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT (sau đây viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiên, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT GROUP JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hoàng Việt Lâm	Thành viên
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên
Ông Cao Tiến Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Việt Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 235/2022/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT, được lập ngày 10/8/2022, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2022, số dư của toàn bộ hàng tồn kho có giá gốc là 36.995.516.576 VND (tại ngày 01/01/2022: 36.995.516.576 VND). Công ty chưa xác định được đầy đủ tính hiện hữu, tình trạng và giá trị thuần có thể thực hiện của số hàng tồn kho nêu trên để làm cơ sở xác định dự phòng (nếu có) tại ngày 30/6/2022. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các hồ sơ thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này tại ngày 30/6/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi tại ngày 30/6/2022 của phải thu ngắn hạn khác: 101.373.778.934 VND, khoản phải thu khách hàng: 15.179.158.906 VND, trả trước cho người bán: 5.465.592.502 VND, phải thu về cho vay ngắn hạn: 24.500.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2022 với giá trị lần lượt là: 16.348.442.595 VND; 5.496.692.502 VND, 101.373.778.934 VND và 24.500.000.000 VND), được trình bày chi tiết tại các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và thuyết minh số 5.5. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Các khoản nợ phải trả ngắn hạn không biến động số dư qua nhiều kỳ kế toán với giá trị là 6.774.395.551 VND, đến thời điểm 30/6/2022, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét nhưng không thu thập được thông tin của các khoản công nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản phải trả này đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

Do ảnh hưởng của các khoản nợ phải thu đã quá hạn thu hồi, tiềm ẩn rủi ro khó đòi nêu trên và giá trị hàng tồn kho chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được với tổng giá trị 183,5 tỷ VND chiếm 89,6% so với tổng giá trị tài sản và 97,8% so với Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2022, dẫn đến Công ty bị thiếu hụt đáng kể vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty có thu hồi được các khoản nợ phải thu nêu trên hay không. Chúng tôi không thể xác định được liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Do đó chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán khác, kiểm toán viên này đưa ra kết luận từ chối đưa ra kết luận do không đánh giá được khả năng thu hồi các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu về cho vay, phải thu khác và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 30/6/2021.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính do ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 với giá trị gốc được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 36.995.516.576 VND;
- Kiểm toán viên không thể xác định được khả năng thu hồi của các khoản công nợ tại ngày 31/12/2021 của các khoản phải thu khách hàng 16.348.442.595 VND, trả trước cho người bán 5.465.592.502 VND, phải thu ngắn hạn khác 101.373.778.934 VND, phải thu về cho vay: 24.500.000.000 VND;
- Kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ các bản xác nhận độc lập của các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2021 với số tiền 6.774.395.551 VND;
- Kiểm toán viên không thể xác định liệu Báo cáo tài chính được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		185.996.653.153	188.492.232.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	391.188.129	102.058.302
1. Tiền	111		391.188.129	102.058.302
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.574.651.378	151.381.318.267
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.118.065.650	18.139.065.650
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.465.592.502	5.465.592.502
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	26.363.680.000	27.280.680.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.505.112.045	101.373.778.934
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(877.798.819)	(877.798.819)
IV. Hàng tồn kho	140		36.995.516.576	36.995.516.576
1. Hàng tồn kho	141	5.7	36.995.516.576	36.995.516.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.297.070	13.339.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	25.678.418	13.339.068
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		18.815.932.904	19.068.516.376
II. Tài sản cố định	220		2.080.469.942	2.302.713.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.080.469.942	2.302.713.938
Nguyên giá	222		4.476.280.000	4.476.280.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.395.810.058)	(2.173.566.062)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.714.285.714	16.714.285.714
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	16.714.285.714	16.714.285.714
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.177.248	51.516.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	21.177.248	51.516.724
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		204.812.586.057	207.560.748.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

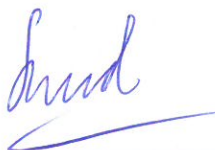
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		17.214.532.673	19.085.453.919
I. Nợ ngắn hạn	310		14.687.609.600	16.558.530.846
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.647.161.278	8.647.161.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	524.652.349	524.652.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.713.000	593.924.012
4. Phải trả người lao động	314		78.739.508	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	509.637.336	199.530.278
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.428.200	12.985.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	3.929.000.000	5.599.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	981.277.929
II. Nợ dài hạn	330		2.526.923.073	2.526.923.073
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	2.526.923.073	2.526.923.073
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.598.053.384	188.475.294.670
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	187.598.053.384	188.475.294.670
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.071.640.000	171.071.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		171.071.640.000	171.071.640.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.363.857.526	16.241.098.812
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.241.098.812	16.156.238.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(877.241.286)	84.859.869
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204.812.586.057	207.560.748.589
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	5.864.111.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	-	5.864.111.264
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	5.109.911.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	754.199.381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	121.445.034	61.734
7. Chi phí tài chính	22	6.4	310.107.058	765.896.153
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		310.107.058	765.896.153
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	622.520.466	1.353.549.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+24-(25+26)	30		(811.182.490)	(1.365.184.555)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		66.058.796	420.410.848
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(66.058.796)	(420.410.848)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(877.241.286)	(1.785.595.403)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51)	60		(877.241.286)	(1.785.595.403)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(51)	(104)

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(877.241.286)	(1.785.595.403)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		222.243.996	800.779.950
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(121.445.034)	(61.734)
- Chi phí lãi vay	06		310.107.058	765.896.153
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(466.335.266)	(218.981.034)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.880.048.237	(4.240.309.325)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(775.770.133)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(200.921.246)	2.363.417.320
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.000.126	412.332.214
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(494.754.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(155.540.629)	(78.043.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(33.233.318)	(298.946.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.042.017.904	(3.321.054.946)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		917.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		111.923	61.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		917.111.923	61.734
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		500.000.000	8.224.000.000
2. Chi trả nợ gốc vay	34		(2.170.000.000)	(8.122.089.227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.670.000.000)	101.910.773
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		289.129.827	(3.219.082.439)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	102.058.302	3.263.016.991
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	391.188.129	43.934.552

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Lâm Tăng Quảng

Nguyễn Thị Hải Yến

Hoàng Việt Lân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 06 người (tại ngày 31/12/2021 là 06 người).

1.2 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc, kinh doanh buôn bán xăng dầu, môi giới, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường tủ, bàn ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh thương mại.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ năm tài chính 2020, Công ty đã tạm dừng các hoạt động kinh doanh chính như: Sản xuất quần áo, bút tất ... Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, kế hoạch kinh doanh năm 2022, Công ty tập trung chủ yếu vào việc phát triển đội ngũ nhân sự để tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực bất động sản và kinh doanh thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 30/6/2022, đối với các khoản nợ phải thu nêu tại các thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, mặc dù được đánh giá khó có khả năng thu hồi nhưng Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi. Bên cạnh việc tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức, nhân sự, Ban lãnh đạo Công ty đang tích cực tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng hàng tồn kho và tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh để bổ sung vốn lưu động.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như thanh lý các tài sản cố định không còn phù hợp để trả các khoản nợ đến hạn tại các ngân hàng thương mại. Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch thanh lý hàng tồn kho, kế hoạch thu hồi công nợ để cân đối nguồn tiền thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá gốc trên cơ sở các Hợp đồng/khế ước nhận nợ giữa các bên và không được giao dịch mua, bán trên thị trường chứng khoán. Thu nhập từ tiền lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận là khoản dự phòng phải thu khó đòi và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư. Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến hàng hóa, tài sản, dịch vụ đã nhận được nhưng Công ty chưa nhận được đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Ghi nhận doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay của Công ty gồm:

- Lãi vay được ghi nhận hàng tháng căn cứ trên số dư nợ gốc khoản đi vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế;
- Các khoản phí phải trả liên quan đến khoản bảo lãnh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thương mại và hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam do đó Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không cần thiết phải trình bày Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.406.000	2.406.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.782.129	99.652.302
Tổng	391.188.129	102.058.302

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc Minh (*)	1.210.423.684	1.210.423.684
Công ty CP Dệt may Hưng Việt (*)	2.633.131.989	2.633.131.989
Công ty CP May Hùng Đông (*)	1.901.396.714	1.901.396.714
Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt (*)	1.697.470.000	1.697.470.000
Công ty CP phụ liệu may mặc VTC	938.906.744	2.959.906.744
Công ty CP TM Quốc tế Alena Việt Nam (*)	1.801.976.417	1.801.976.417
Các khách hàng khác (*)	5.934.760.102	5.934.760.102
Tổng	16.118.065.650	18.139.065.650

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá và xác định được khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu với giá trị: 15.179.158.906 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sản xuất		
KTT - An Nguyễn	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Đỗ Thị Phụng	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khách hàng khác	965.592.502	965.592.502
Tổng	5.465.592.502	5.465.592.502

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi của khoản trả trước cho người bán.

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Nguyễn Văn Sáng (1)	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường (2)	1.863.680.000	-	2.780.680.000	-
Tổng	26.363.680.000	-	27.280.680.000	-

(1): Chi tiết các khoản cho vay Ông Nguyễn Văn Sáng như sau:

- Hợp đồng vay số 02/2019/HĐTV ngày 29/6/2019, số tiền: 7.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, đã được gia hạn đến 31/12/2020.
- Hợp đồng vay số 01/2020/HĐTV ngày 01/04/2020, số tiền: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến 31/12/2020.

Các khoản vay trên không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11% năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản nợ gốc cho vay nêu trên cùng với lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh số 5.5.

(2): Hợp đồng cho vay số 25122021/HĐVV/MPT ngày 25/12/2021. Thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng				
- Lâm Tăng Quảng	10.000.000		-	
- Nguyễn Thị Linh (1)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
- Bùi Việt Quân (1)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hường Dương (2)	44.400.000.000	-	44.400.000.000	-
Lê Thị Thu Hiền (3)	15.147.000.000	-	15.147.000.000	-
Nguyễn Văn Sáng (lãi vay)	1.238.574.000	-	1.238.574.000	-
Nguyễn Văn Cường (lãi vay)	121.333.111	-	-	-
Công ty CP Địa ốc Trường Tiền Land (4)	9.068.917.000	-	9.068.917.000	-
Công ty CP ĐTTM Đồng Mô	592.500.000	-	592.500.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý (5)	2.926.787.934	-	2.926.787.934	-
Tổng	101.505.112.045	-	101.373.778.934	-

- (1) Khoản tạm ứng cho nhân viên cũ của Công ty để thực hiện công việc kinh doanh theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 26/4/2020.
- (2) Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hường Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/HĐCN ngày 30/11/2018. Bên chuyển nhượng: Ông Đoàn Quang Anh, Ông Hoàng Văn Thông và Bà Nguyễn Thị Yêu, bên nhận chuyển nhượng là Công ty CP May Phú Thành, nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Giá trị chuyển nhượng làm tròn: 125 tỷ đồng (990.000 cổ phần x 126.263 đồng/cổ phần). Đến ngày 30/6/2022, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được hoàn tất.
- (3) Phải thu về việc chuyển nhượng cho bà Hiền cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô. Số cổ phần chuyển nhượng: 336.600 cổ phần, giá chuyển nhượng: 45.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng: 15,147 tỷ đồng.
- (4) Phải thu về giá trị còn lại chưa được Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.346.600 cổ phần Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô.
- (5) Giá trị tiền mặt thiếu theo kết quả kiểm kê ngày 31/12/2020.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi: 101.373.778.934 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	877.798.819	-	877.798.819	-
Trong đó:				
<i>Chi tiết các đối tượng đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Trường Thọ Phát				118.898.819
Công ty TNHH Vải Giấy Thanh Cường				758.900.000
Tổng	-	-	-	877.798.819

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.182.221.772	-	6.182.221.772	-
Công cụ, dụng cụ	492.576.549	-	492.576.549	-
Thành phẩm	11.812.303.262	-	11.812.303.262	-
Hàng hóa	18.508.414.993	-	18.508.414.993	-
Tổng	36.995.516.576	-	36.995.516.576	-

Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống (sản xuất quần áo, bút tất ...) để nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển mới. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa xác định được đầy đủ tính hiện hữu và đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu có) đối với lượng hàng tồn kho nêu trên.

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí khác (bảo hiểm, đăng kiểm xe)	25.678.418	13.339.068
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	21.177.248	51.516.724
Chi phí khác	4.711.981	27.898.118
	16.465.267	23.618.606
Tổng	46.855.666	64.855.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2022	31.400.000	1.170.000.000	3.274.880.000	4.476.280.000
Số dư ngày 30/6/2022	31.400.000	1.170.000.000	3.274.880.000	4.476.280.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư ngày 01/01/2022	31.400.000	477.435.411	1.664.730.651	2.173.566.062
Khấu hao trong kỳ	-	58.500.000	163.743.996	222.243.996
Số dư ngày 30/6/2022	31.400.000	535.935.411	1.828.474.647	2.395.810.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	-	692.564.589	1.610.149.349	2.302.713.938
Tại ngày 30/6/2022	-	634.064.589	1.446.405.353	2.080.469.942

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/6/2022: 31.400.000 VND (tại ngày 31/12/2021: 31.400.000 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/6/2022: 1.446.405.352 VND (tại ngày 31/12/2021: 7.769.793.043 VND).

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022			01/01/2022		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng	16.714.285.714	-	(*)	16.714.285.714	-	(*)
Tổng	16.714.285.714	-		16.714.285.714	-	

□ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2004, sửa đổi bổ sung lần thứ 09 ngày 13/12/2019. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt kim: tất, quần áo ... Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng: 80.000.000.000 VND, được chia thành 8.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT sở hữu 1.560.000 cổ phần, tương đương với 19,5% Vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết: 19,5%.

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(*) Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dầu khí Minh Trí	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600
Công ty TNHH XNK Máy và Phụ kiện ngành Dệt may Thiên Phong	717.300.000	717.300.000	717.300.000	717.300.000
Công ty CP may GB	437.921.255	437.921.255	437.921.255	437.921.255
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc Minh	1.567.515.509	1.567.515.509	1.567.515.509	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Hưng Vượng	283.980.179	283.980.179	283.980.179	283.980.179
Các đối tượng khác	748.215.735	748.215.735	748.215.735	748.215.735
Tổng	8.647.161.278	8.647.161.278	8.647.161.278	7.079.645.769

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH SX và TM Phương Mai	192.071.831	192.071.831
Người mua trả tiền trước khác	332.580.518	332.580.518
Tổng	524.652.349	524.652.349

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2022
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	435.813.883	-	435.813.883	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	155.540.629	-	155.540.629	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.569.500	5.139.000	5.995.500	1.713.000
Thuế Môn bài		4.000.000	4.000.000	-
Tổng	593.924.012	9.139.000	601.350.012	1.713.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT
Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh
Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Mẫu B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	509.637.336	199.530.278
Tổng	509.637.336	199.530.278

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.443.200	-
Các khoản phải trả khác	12.985.000	12.985.000
Tổng	15.428.200	12.985.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

		01/01/2022		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2022		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	Vay cá nhân	5.599.000.000	5.599.000.000	500.000.000	2.170.000.000	3.929.000.000	3.929.000.000	
		5.599.000.000	5.599.000.000	-	1.690.000.000	3.909.000.000	3.909.000.000	
b) Dài hạn								
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)		2.526.923.073	2.526.923.073	500.000.000	480.000.000	20.000.000	20.000.000	
		2.526.923.073	2.526.923.073	-	-	2.526.923.073	2.526.923.073	
Tổng		8.125.923.073	8.125.923.073	500.000.000	2.170.000.000	6.455.923.073	6.455.923.073	

(1) Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/9/2021 về việc sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10/20/KHDN/HM/VCBTHN ngày 04/5/2020. Hạn mức cho vay: 12,63 tỷ đồng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất vay: Xác định tại thời điểm giải ngân theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe Mercedes - Benz biến kiểm soát 30E - 581.64, quyền sử dụng đất của các cá nhân theo hợp đồng thế chấp giữa các cá nhân này với Ngân hàng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 80/16/TD/H/KHDN/VCBHT-MPT ngày 07/9/2016, hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư máy dệt kim, phương tiện vận chuyển phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần May Phú Thành (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MTP). Thời gian vay: 84 tháng, lãi suất áp dụng theo thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.17 Biến động Vốn chủ sở hữu

a) Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2021	171.071.640.000	1.162.555.858	16.156.238.943	188.390.434.801
Lỗ trong năm trước	-	-	84.859.869	84.859.869
Số dư 31/12/2021	171.071.640.000	1.162.555.858	16.241.098.812	188.475.294.670
Số dư 01/01/2022	171.071.640.000	1.162.555.858	16.241.098.812	188.475.294.670
Lãi năm nay	-	-	(877.241.286)	(877.241.286)
Số dư 30/06/2022	171.071.640.000	1.162.555.858	15.363.857.526	187.598.053.384

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Các cổ đông	171.071.640.000	171.071.640.000
Tổng	171.071.640.000	171.071.640.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	171.071.640.000	171.071.640.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	171.071.640.000	171.071.640.000
Cổ tức đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.17 Biến động Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	30/6/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.107.164	17.107.164
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.	-	-

Cổ phiếu MPT của Công ty bị hạn chế giao dịch từ ngày 02/6/2021 theo Thông báo số 1925/TB-SGDHN ngày 31/5/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu hạn chế giao dịch: 17.107.164 cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	5.864.111.264
Doanh thu dịch vụ khác	-	-
Tổng	-	5.864.111.264
Giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	5.864.111.264

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	-	5.109.911.883
Tổng	-	5.109.911.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	121.445.034	61.734
Tổng	121.445.034	61.734

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	310.107.058	765.896.153
Tổng	310.107.058	765.896.153

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	304.946.136	290.326.922
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	25.129.679	413.179.946
Chi phí khấu hao	79.999.998	323.849.700
Thuế, phí, lệ phí	4.918.076	7.273.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.889.262	219.481.798
Chi phí khác bằng tiền	101.637.315	99.437.381
Tổng	622.520.466	1.353.549.517

6.6 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	66.058.796	420.410.848
Tiền chậm nộp, phạt hành chính	7.558.796	2.516.919
Khấu hao TSCĐ, chi phí phân bổ khác do dùng sản xuất	58.500.000	417.893.929
Lợi nhuận khác	(66.058.796)	(420.410.848)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	(877.241.286)	(1.785.595.403)
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	142.243.998	420.410.848
Thu nhập chịu thuế	(734.997.288)	(1.365.184.555)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
	-	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(877.241.286)	(1.785.595.403)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(877.241.286)	(1.785.595.403)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.107.164	17.107.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(51)	(104)

6.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	25.129.679	413.179.946
Chi phí nhân công	304.946.136	290.326.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.243.996	741.743.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.889.262	219.481.798
Chi phí khác bằng tiền	109.196.111	101.954.300
Tổng	767.405.184	1.766.686.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

Các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty CP Dệt may Phú Vinh Hưng	Công ty liên kết	0%
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các nhân là bên liên quan		

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt

Phụ cấp, thù lao của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch HĐQT	-	-
Hoàng Việt Lâm	Thành viên HĐQT	-	-
Lưu Quang Minh	Thành viên HĐQT	-	-
Tổng		-	-

Lương, phụ cấp của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Nguyễn Bá Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Cao Tiến Thành	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Tổng		-	-

Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Người công bố thông tin

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc	-	-
Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	72.260.000	88.056.374
Tổng		72.260.000	88.056.374

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT
Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh
Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Mẫu B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

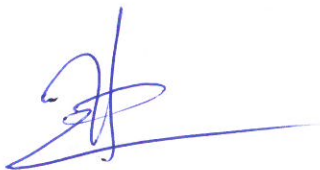
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022
Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân